

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/8/2026, Viện phát hành công văn mời báo giá số 2555/PAS-VTTBYT nhưng vẫn chưa nhận đủ báo giá. Nay Viện tiếp tục phát hành thư mời báo giá để có cơ sở xây dựng dự toán, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Lê Cẩm Tú
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư – Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0949486302
- Địa chỉ email: lecamtu031197@gmail.com - tulc@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ 30 ngày 08/9/2026

Báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 08/9/2026**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục dịch vụ và Biểu mẫu báo giá
 - Danh mục dịch vụ: Theo Phụ lục I đính kèm.
 - Biểu mẫu báo giá để nhà cung cấp tham khảo: Theo Phụ lục II đính kèm.
2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Kho Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – 167 Pasteur, P. Xuân Hòa Tp. Hồ Chí Minh.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 24 – 48 giờ đối với hàng có sẵn, 04 – 08 tuần đối với hàng không có sẵn.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn tài chính. Hồ sơ thanh toán bao gồm: hóa đơn, biên bản giao hàng, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ của hàng hóa (nếu có). Trường hợp Viện nhận thiếu các hồ sơ nêu trên thì thời gian thanh toán được tính từ khi nhà cung cấp bổ sung đầy đủ các chứng từ cho Viện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục I
DANH MỤC ĐỀ XUẤT
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày / /2026 của Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bột vệ sinh đầu khối phổ (Cleaning Powder)	Dùng cho hệ LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011 Quy cách: 50 túi/ hộp	Hộp	1
2	Đầu côn 1000 µl không lọc có khóa	Chất liệu nhựa Polypropylene Có khóa và vạch chia thể tích Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	66.000
3	Bộ kit bảo trì cho hệ bơm cao áp của máy sắc ký lỏng Assurance PM Kit (LC- 30AD)	Phù hợp với dòng sắc ký lỏng ExionLC AD và hệ sắc ký lỏng khối phổ 3 tứ cực Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011	Bộ	2
4	Bộ kit bảo trì cho hệ tiêm mẫu tự động của máy sắc ký lỏng Assurance PM Kit for SIL- 30A (Shimadzu)	Phù hợp với dòng sắc ký lỏng ExionLC AD và hệ sắc ký lỏng khối phổ 3 tứ cực Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011	Bộ	1
5	Bình cầu 100ml	Bình làm từ thủy tinh borosilicate class A Bình cầu có đáy bằng, cổ nhám 29/32	Cái	5
6	Bình cầu 250ml	Bình làm từ thủy tinh borosilicate class A Bình cầu có đáy bằng, cổ nhám 29/32	Cái	5
7	Bình cầu 500ml	Bình làm từ thủy tinh borosilicate class A Bình cầu có đáy bằng, cổ nhám 29/32	Cái	5
8	Bình định mức 1 lít	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A Thang chia vạch, nắp nhựa	Cái	10
9	Bình định mức 100ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A Thang chia vạch, nắp nhựa	Cái	10
10	Bình định mức 10ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A Thang chia vạch, nắp nhựa	Cái	20
11	Bình định mức 200ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A Thang chia vạch, nắp nhựa	Cái	10
12	Bình định mức 50ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A Thang chia vạch, nắp nhựa	Cái	10
13	Bình định mức 5ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A Thang chia vạch, nắp nhựa	Cái	20
14	Bình lắng gạn	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Phiếu chiết hình quả lê, khóa nhựa Thể tích: 700-1000mL	Cái	5
15	Bình tam giác 125ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A, miệng hẹp	Cái	20
16	Bình tam giác 250ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A, miệng rộng	Cái	20
17	Bình tia	Nắp vận xoay, dùng để chứa chất lỏng và hóa chất dung môi Chất liệu: nhựa Polyethylene Thể tích 500ml	Cái	10

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
18	Bộ chiết pha rắn	Buồng kính làm bằng loại thủy tinh chịu hóa chất Nắp đáy làm từ vật liệu polyethylene siêu phân tử, chịu được dung môi. Đồng hồ đo chân không với các valve chỉnh thô và chỉnh tinh để theo dõi và điều chỉnh mực chân không; có cả valve xả an toàn. Các giá đỡ có thể điều chỉnh chiều cao cho thích hợp với đường kính của các ống thu mẫu đường kính 13-125mm.	Bộ	2
19	Bộ chung cất cùn	Chạc 3 nhánh. Ống sinh hàn. Cổ sừng bò. Cổ nhám	Bộ	1
20	Bộ đơn sắc kích thích cho đầu dò huỳnh quang	Phụ kiện dùng cho máy sắc ký lỏng HPLC - Model: 1100 - Hãng sản xuất: Agilent thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 8117.KĐH	Bộ	1
21	Bộ giảm xung áp suất bơm	Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 8117.KĐH	Cái	2
22	Bộ khử bọt khí chân không cho dung môi (Degasser)	Phụ tùng thay thế dùng cho máy HPLC Agilent 1100 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 3195KDH Mã số: G1322A. Số seri: JP32752118	Cái	1
23	Bộ khử bọt khí chân không	Phụ kiện dùng cho máy sắc ký lỏng HPLC - Model: 1100 - Hãng sản xuất: Agilent thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 3195KDH	Bộ	1
24	Bộ phụ kiện dùng cho điện cực khối phổ MS	Gồm 5 kim đầu phun ion hóa điện tử, đầu nối nhựa, lò xo kim loại, ron cao su o-ring Sử dụng cho máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ LC MS/MS Model 5500 TripleQuad - Hãng sản xuất: Sciex thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 1187511P20011	Bộ	1
25	Bộ tiêm mẫu tự động (ALS)	Phụ tùng thay thế dùng cho máy HPLC Agilent 1100 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Mã số: G1313A. Số seri: DE43631738 MSKK: 3195KDH	Cái	1
26	Bơm 4 kênh dung môi (Quat. Pump)	Phụ tùng thay thế dùng cho máy HPLC Agilent 1100 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 3195KDH. Mã số: G1311A. Số seri: DE43635651	Cái	1
27	Bơm kim tiêm 10ml loại 23Gx1	Kích cỡ kim 23Gx1, dung tích 10ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	33.000

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
28	Bơm kim tiêm 5ml loại 23Gx1	Kích cỡ kim 23Gx1, dung tích 5ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	30.000
29	Bơm piston	Bơm piston dùng cho mọi đầu bơm Vật liệu: Ceramic & Zirconium oxide (ZrO2) Đường kính 06 mm Chiều dài 66 mm Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 8117.KĐH	Cái	4
30	Buồng ổn định nhiệt độ cột phân tích (Column comp.)	Phụ tùng thay thế dùng cho máy HPLC Agilent 1100 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 3195KĐH. Mã số: G1316A. Số seri: DE43651405	Cái	1
31	Buồng phối trộn dung môi, thể tích vòng loop 20µL	Phụ kiện dùng cho máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ LC MS/MS Model 5500 TripleQuad - Hãng sản xuất: Sciex thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Kèm dây nối vào - ra (3 dây). MSKK: 1187511P20011	Bộ	1
32	Burette thẳng 10 ml	Burret làm từ thủy tinh borosilicate hoặc tương đương, loại AS, khóa nhựa	Cái	2
33	Burette thẳng 25 ml	Burret làm từ thủy tinh borosilicate hoặc tương đương, loại AS, khóa nhựa	Cái	10
34	Burette tự động 10 ml	Burret làm từ thủy tinh borosilicate hoặc tương đương, loại AS, khóa nhựa	Cái	2
35	Burette tự động 25 ml	Burret làm từ thủy tinh borosilicate hoặc tương đương, loại AS, khóa nhựa	Cái	2
36	Card kết nối giữa máy tính và hệ thống sắc ký lỏng	Phụ kiện dùng cho máy sắc ký lỏng HPLC - Model: 1100 - Hãng sản xuất: Agilent thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
37	Cát thạch anh	Các thành phần cơ bản của cát thạch anh: - Hàm lượng oxit silic (SiO2) ~ % 99,4 - Hàm lượng oxit nhôm (Al2O3) ~ % 0,1 - Hàm lượng oxit sắt (Fe2O3) % < 0,1 - Hàm lượng oxit natri (Na2O) % ~ 0,1 Kích thước: 0,1-0,4mm Tỷ trọng: 1400kg/m3	Kg	25
38	Chai thủy tinh có nắp 1000 ml	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Dung tích: 1000 ml Có thang chia vạch. Đồng bộ với chai gồm nắp vặn bằng nhựa PP và vòng đệm PP	Cái	10

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
39	Chai thủy tinh có nắp 250 ml	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Dung tích: 250 ml Có thang chia vạch Đồng bộ với chai gồm nắp vận bằng nhựa PP và vòng đệm PP	Cái	10
40	Chai thủy tinh có nắp 500 ml	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Dung tích: 500 ml Có thang chia vạch. Đồng bộ với chai gồm: nắp vận bằng nhựa PP và vòng đệm PP	Cái	10
41	Chai thủy tinh nâu (vial) có nắp 2ml	-Vật liệu: thủy tinh nâu -Thể tích: 2 ml, chia vạch và có nhãn -Đường kính miệng: 9 mm -Nắp vận có septa không xẻ rãnh -Đựng được insert đường kính 5 mm -Có nắp vận	Cái	2.000
42	Chai thủy tinh trắng (vial rửa và thải) có nắp 4mL dùng cho GC	Chất liệu: Thủy tinh, nắp vận có lỗ và có septa nhựa dùng cho GC Thể tích 4mL, đường kính trong 13mm Dùng cho máy sắc ký khí GC Clarus 500/580 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. MSKK: 2883.KĐH	Cái	30
43	Chai thủy tinh trắng (vial) có nắp 2ml	Chai màu trắng Thể tích 2ml, có vạch chia, nắp vận nắp vận có lỗ và có septa nhựa	Cái	2.000
44	Chai thủy tinh trắng (vial) có nắp 2mL dùng cho GC	Chất liệu: Thủy tinh, nắp vận có lỗ và có septa nhựa dùng cho GC Thể tích 2mL, đường kính trong 8mm Dùng cho máy sắc ký khí GC Clarus 500/580 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2.000
45	Chén ẩm có nắp thủy tinh	Chén ẩm có nắp làm bằng thủy tinh thể tích 80mL	Cái	50
46	Chén sứ nung mẫu	Làm bằng chất liệu sứ có nắp, thể tích 50 mL	Cái	50
47	Cốc có mỏ thủy tinh 1 L	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
48	Cốc có mỏ thủy tinh 125 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	30
49	Cốc có mỏ thủy tinh 2 L	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
50	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	30
51	Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
52	Cốc có mỏ thủy tinh 600 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	20
53	Cột ái lực miễn dịch phân tích đồng thời aflatoxin, ochratoxin	Phát hiện Aflatoxin B1, B2, G1, G2, M1, M2, Orchratoxin A Thời gian tách độc tố từ mẫu: dưới 10 phút (không bao gồm chuẩn bị và chiết mẫu) Giới hạn phát hiện: từ 0,25 ppb đến 100 ppb Thể tích cột: 3 mL	Cái	10

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
54	Cột bảo vệ	Chịu được dung môi: 0 - 100% (particularly acetone, acetonitrile, methanol) Vật liệu: PEEK Kích thước hạt 5 µm Khoảng pH 3–12 Thông số kích thước cột: 5 x 4,0 mm Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	8
55	Cột BEH Amide	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Amide Kích thước hạt: 1.7 µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 2.1 mm Khoảng pH: 2-11 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 Hàm lượng Carbon: 12% USP: L68	Cái	1
56	Cột C18 cho HPLC 6.5*300mm	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 10µm Chiều dài: 300mm Đường kính trong: 6.5mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) USP: L19	Cái	1
57	Cột chiết C18	Pha tĩnh: C18 Kích thước hạt: 55 - 105 µm Phương pháp tách: Pha đảo Chất nền hấp thụ: Silica Kích thước lỗ: 125Å Khoảng pH: 2-8 Thể tích: 3 cc Khối lượng chất hấp thụ: 500 mg. Khóa đuôi: có Thể tích hold up: 0.8 mL	Cái	5
58	Cột chiết Deoxynivalenol (DON)	Cột chiết Phát hiện Deoxynivalenol - Kích thước cột 1 mL - Sử dụng với nhiều loại mẫu - Phân tích nhanh trong khoảng 10 phút - Khả năng phát hiện: 0,10ppm đến 5ppm.	Cái	5
59	Cột chiết Fumonisin tổng số	Cột chiết Phát hiện fumonisin mycotoxins B1, B2 và B3 - Sử dụng với thiết bị huỳnh quang Fluorometer và thiết bị HPLC/UPLC. - Sử dụng với nhiều loại mẫu - Phân tích nhanh trong khoảng 15 phút - Khả năng phát hiện: 0,016 ppm đến 5ppm.	Cái	5

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
60	Cột chiết pha rắn	Pha tĩnh: HLB (Hydrophilic-Lipophilic Balance) Thể tích: 6 cc Khối lượng chất hấp thụ: 500 mg pH: 0-14 Kích thước hạt: 60 µm Chất nền hấp thụ: Copolymer Kích thước lỗ: 80Å Vật liệu: Polypropylene	Cái	5
61	Cột chiết pha rắn	Pha tĩnh: HLB (Hydrophilic-Lipophilic Balance) Kích thước hạt: 30 µm Phương pháp tách: Pha đảo Chất nền hấp thụ: Copolymer Kích thước lỗ: 80Å Khoảng pH: 0 - 14 Vật liệu: Polypropylene Thể tích: 3 cc Khối lượng chất hấp thụ: 60 mg Khóa đuôi: không	Cái	5
62	Cột chiết pha rắn HLB	Pha tĩnh: HLB (Hydrophilic-Lipophilic Balance) Kích thước hạt: 30 µm Phương pháp tách: Pha đảo Chất nền hấp thụ: Copolymer Kích thước lỗ: 80Å Khoảng pH: 0 - 14 Vật liệu: Polypropylene Thể tích: 3cc Khối lượng chất hấp thụ: 60 mg	Cái	300
63	Cột chiết tách sắc ký SCX	Ống thể tích 3 ml bằng Polypropylene Kích thước hạt: 30 µm Định lượng bột nhồi 60mg pH: 0-14 Kích thước lỗ: 80Å Chất nền hấp thụ: Copolymer Khả năng trao đổi ion: 1 meq/gram Khóa đuôi: không	Cái	6
64	Cột chiết Zearalenone	Cột chiết Phát hiện zearalenone Sử dụng với thiết bị huỳnh quang Fluorometer và thiết bị HPLC/UPLC. Hạn sử dụng lâu dài; không cần bảo quản lạnh Kích thước cột 1 mL Sử dụng với nhiều loại mẫu Phân tích nhanh khoảng 15 phút Khả năng phát hiện: Phát hiện nồng độ thấp đến 0,1 ppm và cao đến 10 ppm	Cái	5
65	Cột GC	Sử dụng cho các thiết bị sắc ký khí GC Clarus 500/580 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Mã kiểm kê: 2883KDH Cột Agilent DB-WAX Chiều dài 30m Đường kính 0,32mm Film độ dày thành: 0,25µm Nhiệt độ: 20-250°C (max 260°C)	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
66	Cột HPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Reversed Phase Kích thước hạt: 5µm Chiều dài, đường kính cột: 250 x 4,6mm pH: hoạt động từ 1.5 - 10 từ 2 - 8 Khóa đuôi (End-capped): Có Hàm lượng Carbon: 16% Kích thước lỗ: 100Å USP: L1 Khoảng pH: 2 – 8 Mật độ phối tử: 3,5 µmol/m ²	Cái	1
67	Cột HPLC C18 250mm*4.6mm	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Cột sắc ký lỏng pha đảo C18 cấu tạo bởi lớp silical liên kết C18 biến tính, kích thước hạt nhỏ 5 µm, chiều dài 250mm, đường kính 4,6mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Khóa đuôi (End-capped): Có Hàm lượng Carbon: 16% Kích thước lỗ: 100Å USP: L1 Khoảng pH: 2 – 8 Mật độ phối tử: 3,5 µmol/m ²	Cái	3
68	Cột lọc phân tích	Dùng cho máy lọc nước Model Arium Pro VF, Hãng sản xuất Sartorius thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Gồm: 01 cột lọc Pre-polishing và 01 cột lọc Polishing Kích thước: 305 x 255 x 455 mm Kiểu lọc: than hoạt tính trao đổi ion	Bộ	2
69	Cột lọc siêu sạch	Dùng cho máy lọc nước Model Arium Pro VF, Hãng sản xuất Sartorius thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Kích thước: 370 x 120 x 80 mm Kiểu lọc: Crossflow filter Áp suất vận hành tối đa: 3 bar ở nhiệt độ phòng	Cái	2
70	Cột sắc ký Ion 150/4.0	Vật liệu: PEEK Vật liệu nền: Polyvinyl alcohol gắn với 4 nhóm amonium Kích thước hạt 5 µm Tốc độ dòng tiêu chuẩn: 0,7mL/min Áp suất tối đa 15 MPa Tốc độ dòng tối đa : 0,8mL/min Khoảng pH 3–12 Khoảng nhiệt độ: 20-60°C Thông số kích thước cột: 150 x 4,0 mm Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
71	Cột sắc ký Ion 250/4.0	Vật liệu: PEEK Vật liệu nền: Polyvinyl alcohol gắn với 4 nhóm amonium Kích thước hạt 5 µm Tốc độ dòng tiêu chuẩn: 0,7mL/min Áp suất tối đa 15 MPa Tốc độ dòng tối đa : 1,0mL/min Khoảng pH 3–12 Khoảng nhiệt độ: 20-60°C Thông số kích thước cột: 250 x 4,0 mm Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4
72	Cột phân tích HPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Dài: 100mm Đường kính: 2,1 mm Kích thước hạt : 1,8 µm Thành phần: C18 Pha đảo pH: 2-9 /1-8 Khóa đuôi (End-capped): Có Dùng cho máy sắc ký lỏng Áp suất tối đa: 1240 bar Kích thước lỗ: 100Å Diện tích bề mặt: 230m ² /g Hàm lượng Carbon: 15%	Cái	1
73	Cột sắc ký 1,7µm C18 130Å	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 1,7 µm Đường kính cột, Chiều dài: 2,1 mm x 100mm pH: hoạt động từ 1,5-9 /1-12 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m ² /g Carbon load: 18%	Cái	2
74	Cột sắc ký C18 pha đảo	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Cột sắc ký pha đảo C18 Kích thước hạt: 1,7 µm Kích thước lỗ: 100Å /130Å Chiều dài 100mm, đường kính 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng pH: 1-12 Áp suất tối đa: 1240 bar Có endcapped Diện tích bề mặt: 185m ² /g Hàm lượng Carbon: 18%	Cái	2
75	Cột sắc ký Hilic 2,5µm	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: HILIC Kích thước hạt: 2,5 µm Đường kính cột, Chiều dài: 4.6 mm x 150mm pH: hoạt động từ 2-7,5 /1-9 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất: 10000 psi (690 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m ² /g USP: L3	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
76	Cột sắc kí Hilic dùng cho HPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: HILIC Kích thước hạt: 5 µm Đường kính cột, Chiều dài: 4,6 mm x 150mm Khả năng chịu áp suất : 8700 psi (600 bar) /6000 psi (415 Bar) pH: hoạt động từ 2-7,5 /1-9 Dùng cho máy sắc ký lỏng Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m ² /g USP: L3	Cái	2
77	Cột sắc kí lỏng C18 pha đảo phân cực	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Fusion-RP /HSS Kích thước hạt: 4 µm /3,5µm Đường kính cột, Chiều dài: 2 mm x 50 mm /2,1 mm x 50 mm pH: hoạt động từ 1,5-10 2-8 Dùng cho máy sắc ký lỏng Áp suất tối đa: 415 bar Kích thước lỗ: 100Å Diện tích bề mặt: 230m ² /g Hàm lượng Carbon: 11%	Cái	1
78	Cột sắc kí lỏng siêu hiệu năng UPLC C18 pha đảo	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Cột UPLC C18 pha đảo Đường kính 3mm, chiều dài 100mm Kích thước hạt 2,7 µm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Hàm lượng Carbon: 6,6% - Kích thước lỗ: 90Å - USP: L1 - Khoảng pH: 2 – 8 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 100m ² /g	Cái	2
79	Cột sắc kí lỏng siêu hiệu năng UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Polar C18 Kích thước hạt: 2,5 µm Đường kính cột, Chiều dài: 3 mm x 100mm pH: hoạt động từ 1-9 - Khóa đuôi (Endcapped): không - Kích thước lỗ: 130Å - USP: L3 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 185m ² /g	Cái	1
80	Cột sắc kí lỏng siêu hiệu năng UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Cột Rx-C8 /Cột C8 - Đường kính 2,1mm, chiều dài 150 mm, - Kích thước hạt 5 µm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Hàm lượng Carbon: 13% - Kích thước lỗ: 130Å - USP: L7 - Khoảng pH: 1 – 12 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 185m ² /g	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
81	Cột sắc kí lỏng siêu hiệu năng UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Reversed Phase Kích thước hạt: 5µm Chiều dài, đường kính cột: 150 x 4,6mm pH: hoạt động từ 1,5 - 10 /2-8 Khóa đuôi (Endcapped): Có Hàm lượng Carbon: 16% Kích thước lỗ: 100Å USP: L1 Mật độ phối tử: 3,5 µmol/m2	Cái	1
82	Cột sắc kí lỏng siêu hiệu năng UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 5µm Chiều dài, đường kính cột: 250 x 3mm pH: hoạt động từ 1,5 - 12 /1-12 - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Hàm lượng Carbon: 18% - Kích thước lỗ: 130Å - USP: L1 - Khoảng pH: 2 – 8 - Áp suất tối đa: 6000 psi (415 Bar) - Diện tích bề mặt: 185m2/g	Cái	1
83	Cột sắc ký lỏng C18	Cột sắc ký lỏng C18 Dài: 100mm Đường kính: 2,1 mm Kích thước hạt: 3,5 µm Thành phần: C18 Pha đảo Khoảng pH: 2-9 /1-12 Áp suất tối đa: 400 bar /415 bar - Khóa đuôi (Endcapped): Có Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m2/g Hàm lượng Carbon: 18%	Cái	1
84	Cột sắc ký lỏng C18	- Pha tĩnh: C18 - Kích thước hạt: 1,7 µm - Đường kính trong: 2,1 mm - Chiều dài: 100 mm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Hàm lượng Carbon: 18% - Kích thước lỗ: 130Å - USP: L1 - Khoảng pH: 1 – 12 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 185m2/g - Công nghệ hạt: BEH - Bề mặt hiệu suất cao MaxPeak	Cái	2
85	Cột sắc ký C18 dùng phân tích dư lượng kháng sinh	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 3,5µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 4,6mm pH: hoạt động từ 1-12 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m2/g Hàm lượng Carbon: 18%	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
86	Cột sắc ký C18 kích thước 150mm*4,6mm	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Cột sắc ký lỏng pha đảo C18 cấu tạo bởi lớp silical liên kết C18 bền tính, kích thước hạt nhỏ 5 µm, chiều dài 150mm, đường kính 4,6mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Khóa đuôi (End-capped): Có Hàm lượng Carbon: 16% Kích thước lỗ: 100Å USP: L1 Khoảng pH: 2 – 8 Mật độ phối tử: 3,5 µmol/m ²	Cái	3
87	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Sử dụng trên hệ thống UPLC Kích thước hạt 1,7 µm, đường kính trong 2,1 mm, chiều dài 100mm Khoảng pH: 1-12 Áp suất tối đa: 1240 bar Khóa đuôi (Endcapped): Có Kích thước lỗ: 130Å Hàm lượng carbon: 18% Pha tĩnh: C18 Diện tích bề mặt: 185 USP: L1 Công nghệ hạt: BEH	Cái	1
88	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương - Pha tĩnh: C18 - Kích thước hạt: 1,7 µm - Đường kính trong: 2,1 mm - Chiều dài: 100 mm - Khóa đuôi (Endcapped): Có - Hàm lượng Carbon: 18% - Kích thước lỗ: 130Å - USP: L1 - Khoảng pH: 1 – 12 - Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) - Diện tích bề mặt: 185 - Công nghệ hạt: BEH - Bề mặt hiệu suất cao MaxPeak	Cái	1
89	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18 UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 3,5µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 4,6 mm Khoảng pH: 1-12 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 Hàm lượng Carbon: 18% USP: L1	Cái	1
90	Cột sắc ký lỏng Hilic	Sử dụng cho hệ thống UHPLC, UPLC Chiều dài: 100mm Đường kính trong: 2,1mm Kích thước hạt: 1,7 µm Chế độ phân tách: Hilic Khoảng pH: 1-9 Áp suất tối đa: 1240 bar Khóa đuôi (Endcapped): Không Kích thước lỗ: 130Å	Cái	1

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
		Diện tích bề mặt: 185 USP: L3		
91	Cột sắc ký lỏng UPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Kích thước hạt: 4µm Chiều dài, đường kính cột: 150 x 3.9mm Khoảng pH: 2-8 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 6000 psi (415 Bar) Kích thước lỗ: 60Å Diện tích bề mặt: 120 Hàm lượng Carbon: 7% USP: L1	Cái	1
92	Cột sắc ký Phenyl-Hexyl	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Dài: 100mm Đường kính: 3,0 mm Kích thước hạt: 2,7 um Thành phần: Phenyl-Hexyl Pha thuận Pha đảo Giá trị pH: 2-8 Khóa đuôi (Endcapped): Có Dùng cho máy sắc ký lỏng Áp suất tối đa: 1240 bar Kích thước lỗ: 90Å Diện tích bề mặt: 100m2/g Hàm lượng Carbon: 5.9% USP: L11	Cái	1
93	Cột sắc ký Premier BEH Amide	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Amide Kích thước hạt: 1,7µm Chiều dài, đường kính cột: 100 x 2.1 mm Khoảng pH: 2-11 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 Bề mặt hiệu suất cao MaxPeak USP: L68	Cái	1
94	Cột UHPLC C18	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: Polar C18 (Cột Cortecs C18) Kích thước hạt: 2,7 µm Đường kính cột, Chiều dài: 3 mm x 100mm pH: 2-8 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Khóa đuôi (Endcapped): Có Kích thước lỗ: 90Å Diện tích bề mặt: 100 Hàm lượng carbon: 6.6%	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
95	Cột UPLC HSS PFP	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: HSS Kích thước hạt: 1,8µm Chiều dài, đường kính cột: 50 x 2.1 mm Khoảng pH: 2-8 Dùng cho máy sắc ký lỏng Khả năng chịu áp suất : 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 100Å Diện tích bề mặt: 230 Hàm lượng carbon: 7% Thành phần hóa học: PFP/Fluoro-Phenyl USP: L43	Cái	1
96	Cuvet thạch anh	Cuvet thạch anh, dùng cho máy UV-Vis thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	10
97	Đá bọt	Đá bọt điều hòa quá trình sôi giúp dung dịch sôi đều và tránh hiện tượng quá sôi hay sôi bùng	Gram	250
98	Đầu côn không lọc 10.000 µl	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	2.000
99	Đầu côn không lọc 5000µl	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	1.000
100	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	Chất liệu nhựa Polypropylene Có khóa và vạch chia thể tích Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	158.000
101	Đầu côn thể tích 50ml	Đầu côn dùng cho pipette stepper, thể tích tổng là 50ml, với mỗi lần nhỏ là 1000µl	Cái	100
102	Đầu dò huỳnh quang (FLD)	Phụ tùng thay thế dùng cho máy HPLC Agilent 1100 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Mã kiểm kê: 3195KDH. Mã số: G1321A. Số seri: DE43608012	Cái	1
103	Đầu dò mảng diode quang (DAD)	Phụ tùng thay thế dùng cho máy HPLC Agilent 1100 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Mã kiểm kê: 3195KDH. Mã số: G1315B. Số seri: DE54627753	Cái	1
104	Đầu lọc pha động	Kích thước lỗ lọc: 27 µm. Vật liệu: PE Đường kính bên ngoài (mm): 9,5 Chiều dài (mm): 35,5 Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	15

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
105	Dây bơm nhu động (Bơm mẫu)	Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	6
106	Dây bơm nhu động (cho MSM)	Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	12
107	Dây dẫn mẫu vào máy của quá trình hút mẫu	Vật liệu: PTFE Đường kính bên ngoài (inches): 1/16 Đường kính bên trong (mm): 0,97 Chiều dài (m): 1 Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4
108	Dây dẫn pha động	Vật liệu: PTFE Đường kính bên ngoài 2,5mm Đường kính bên trong 1,5mm Chiều dài 2m Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4
109	Dây pha động	Dây pha động PEEK Vật liệu: PEEK Đường kính bên ngoài (inches): 1/16 Đường kính bên trong (mm): 0,5 Chiều dài (m): 1 Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4
110	Đèn catốt rỗng đa nguyên tố	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Đường kính ngoài: 2 inch Nguyên tố Aluminum (Al) - Calcium (Ca) - Copper (Cu) - Iron (Fe) - Magnesium (Mg) - Silicon (Si) - Zinc (Zn)	Cái	10
111	Đèn catốt rỗng đơn nguyên tố Fe	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Đường kính ngoài: 2 inch Nguyên tố: sắt (Fe)	Cái	2
112	Đèn catốt rỗng đơn nguyên tố Na - K	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh Đường kính ngoài: 2 inch Nguyên tố: Potassium (K); Sodium (Na)	Cái	2
113	Đèn cho máy UV-Vis	Dùng cho máy UV - Vis Lamda 25 - Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2
114	Đèn EDL rỗng cho nguyên tố As	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
115	Đèn EDL rỗng cho nguyên tố Hg	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
116	Đèn HCL cho nguyên tố Cd	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
117	Đèn HCL cho nguyên tố Cu	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
118	Đèn HCL cho nguyên tố Fe	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
119	Đèn HCL cho nguyên tố Mn	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
120	Đèn HCL cho nguyên tố Pb	Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
121	Đĩa đáy phẳng	Vật liệu: thép không gỉ (Ni/Al), không nắp Cao 20mm - Đường kính: 50-75mm	Đĩa	15
122	Điện cực đo pH	Ecotrode mã code: 6.0262.100 Khoảng đo pH: 0-13 Nhiệt độ: 0-80 độ C Xuất xứ: Thụy Sĩ Dùng cho máy Metrohm Titrand888. Mã kiểm kê: 1206111V30097	Cái	1
123	Đũa thủy tinh	Kích thước: đường kính 6mm, chiều dài 300mm	Cái	5
124	Dụng cụ hút mẫu lặp lại (HandyStep)	Dùng để lấy dung dịch phân phối lượng đều vào từng ống Phân phối dung tích từ 0,1mL đến 50ml Độ chính xác: 0,3 đến 1 %	Cái	2
125	Bộ kit điện cực Khối phổ Essential MS Electrode Turbo Kit	Bộ kit điện cực Khối phổ - Sử dụng cho hệ LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011	bộ	1
126	Găng tay có bột	Chất liệu: Cao su tự nhiên Loại có bột, dùng cho cả hai tay, hàm lượng bột $\leq 10\text{mg/dm}^2$ Bề mặt nhám, có viền cổ tay Chiều dài: 240mm Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng	Hộp	3.138
127	Găng tay không bột	Nguyên liệu: cao su tự nhiên Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay Hàm lượng bột: $\leq 2\text{ mg/găng tay}$ Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng	Hộp	522
128	Giá để ống nghiệm	Giá gồm 40-50 ô, đường kính 10 - 16mm Vật liệu nhựa	Cái	20

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
129	Giá đỡ micropipet đứng 6 vị trí	Giá treo micropipet dạng thẳng đứng 6 vị trí Vật liệu nhựa	Cái	2
130	Giá inox đựng ống nghiệm	Giá inox đựng ống nghiệm 50 chỗ, đường kính 10 - 16mm	Cái	20
131	Giấy đo pH	Dạng cuộn, có kèm bảng màu để so sánh Kích thước: dài 4,8 - 5 mét Khoảng đo pH: 1-14	Cuộn	12
132	Giấy lọc Cellulose Acetate	Chất liệu lọc: Cellulose Acetate Kích thước lỗ lọc 0,45µm, đường kính 47mm	Tờ	2.000
133	Giấy lọc Cellulose đường kính 11 cm	Chất liệu: Cellulose, đường kính 11cm	Tờ	5.000
134	Giấy lọc Cellulose đường kính 9 cm	Chất liệu: Cellulose, đường kính 9cm	Tờ	5.000
135	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Tờ	1.000
136	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Tờ	1.000
137	Giấy lọc đường kính 47mm	Vật liệu lọc: Cellulose Nitrate hoặc tương đương Đường kính 47mm, lỗ lọc 0,45µm	Tờ	2.000
138	Giấy lọc không tro đường kính 100	Giấy lọc không tro đường kính 100 tối đa 0,007% tro, loại số 40 (kích thước lỗ lọc 8µm)	Tờ	500
139	Gòn y tế thấm nước	Làm từ 100% bông xơ tự nhiên Loại thấm nước	Kg	12
140	Khẩu trang y tế 4 lớp	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn	Hộp	1.069
141	Khối đầu nối và dây dẫn gia nhiệt dùng cho bộ phận lò cột sắc ký lỏng (Preheat Block)	Kích thước 0,1 x 800mm Sử dụng cho máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ LC MS/MS Model 5500 TripleQuad - Hãng sản xuất: Sciex thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
142	Kim tiêm bơm mẫu dùng cho GC	Thể tích 5µl Đường kính trong 0,15mm Chiều dài 70mm Đường kính ngoài 0,63mm Dùng cho máy sắc ký khí GC Clarus 500/580 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
143	Kính lọc	Dùng cho máy UV - Vis Libra S-70 - Biochrom thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1
144	Kit tách chiết theo phương pháp QueChers (phương pháp chiết pha rắn)	Thành phần : Trong mỗi ống thể tích 50 ml có chứa 6 g MgSO ₄ ; 1,5 g Na Acetate hoặc NaCl	Cái	1.000
145	Lọc khí thải bơm chân không	Hộp lọc khí thải cho bơm chân không. Chất liệu bằng nhựa (ống hình trụ) Sử dụng cho máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ LC-MS/MS model 5500 TripleQuad - Hãng sản xuất: Sciex thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	1

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
146	Lọc khí vào dùng cho đầu dò khối phổ MS	Bộ bốn miếng mút dùng trong bộ lọc khí khối hình chữ nhật Dùng cho máy khối phổ MS model 5500 TripleQuad - Hãng sản xuất: Sciex thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4
147	Lọc PE	Lọc dự phòng dùng cho ống dẫn pha động Vật liệu: PE Kích thước lỗ lọc 2 µm Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	40
148	Lọc Syringe	Chất liệu PTFE Đường kính 25mm Kích thước lỗ 0,45um	Cái	3.000
149	Lõi lọc PP	Lắp đặt phù hợp cho máy lọc nước Model Arium Pro VF, Hãng sản xuất Sartorius thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2
150	Lõi lọc RO	Lắp đặt phù hợp cho máy lọc nước Model Arium Pro VF, Hãng sản xuất Sartorius thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2
151	Lõi lọc than dạng hạt	Lắp đặt phù hợp cho máy lọc nước Model Arium Pro VF, Hãng sản xuất Sartorius thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2
152	Lõi lọc than dạng khối	Lắp đặt phù hợp cho máy lọc nước Model Arium Pro VF, Hãng sản xuất Sartorius thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2
153	L-Tryptophan	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương	Gram	1.000
154	Màn hình máy GC	Sử dụng cho các thiết bị sắc ký khí GC Clarus 500/580 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Mã kiểm kê: 2883KDH. Màn hình loại LCD Kích thước (Dài*rộng): 135*95mm	Cái	1
155	Mắt kính bảo hộ trong phòng thí nghiệm	Mắt kính bảo hộ trong phòng thí nghiệm Gọng kính được làm từ chất liệu nhựa Polypropylene. Tròng kính có phủ lớp chống trầy xước, chống bụi, chống tĩnh điện và chống bám hơi nước. Thiết kế bảo vệ phía trước và cả hai bên. Kính có thiết kế cho phép người có tật khúc xạ có thể mang chung với kính cận, kính viễn. Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng	Cái	535

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
156	Micropipet 1 kênh 5mL	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 10 μ l Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	2
157	Micropipet 1 kênh 10.000 μ l	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 20 μ l Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	5
158	Micropipet 1 kênh thể tích 100-1000 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 1 μ l Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	8
159	Micropipet 1 kênh thể tích 10-100 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,1 μ l Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	5
160	Micropipet 1 kênh thể tích 20-200 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,2 μ l Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	7
161	Miếng đệm cao su (9000 Septum assembly)	Miếng đệm dùng tại vị trí tiêm mẫu Chất liệu: cao su. Sử dụng cho các thiết bị GC Clarus 500/580 thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh. Mã kiểm kê: 2883KDH.	Cái	2
162	Miếng lọc máy sắc ký	PTFE frits 5PK Nút lọc PTFE dành cho bơm hai dòng HPLC Dùng cho máy HPLC	Cái	10
163	Nắp vận xanh có lỗ cho chai 1,5ml	Septa không rãnh 9mm, có 2 mặt được bọc PTFE/silicon	Cái	2.000
164	Nhiệt kế thủy tinh, dài 300mm	Khoảng nhiệt độ -10 đến +150°C Chia vạch 1°C Chiều dài 300mm	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
165	Nhiệt kế thủy tinh, dài 400mm	Khoảng nhiệt độ từ -5 đến +200°C Chia vạch 0,5°C Chiều dài 400mm	Cái	5
166	Nhíp y tế 25cm	Chất liệu: Thép không gỉ y tế cao cấp loại thẳng Kích thước: 25cm Cổ mẫu	Cái	10
167	Ống Kjeldalh 330ml	Chất liệu thủy tinh, thể tích 330ml	Cái	30
168	Ống bắt giữ CO ₂ + nước	Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	6
169	Ống đong thủy tinh 1 lit	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
170	Ống đong thủy tinh 100 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
171	Ống đong thủy tinh 500 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
172	Ống đựng mẫu 11mL	Nhựa PP, Đường kính 16mm, Chiều dài 108mm, Thể tích 11mL Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	200
173	Ống Kjeldalh 500ml	Chất liệu thủy tinh, thể tích 500ml	Cái	2
174	Ống ly tâm 15ml	Chất liệu: polypropylene trong suốt, đáy nhọn, nắp vặn Đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Chịu được lực ly tâm đến 15.000 xg Không chứa DNase/RNase Nhiệt độ làm việc từ -20 đến 121 độ C	Cái	200
175	Ống ly tâm 50 ml	Chất liệu: polypropylene, đáy nhọn, nắp vặn Đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Chịu được lực ly tâm đến 17.000 xg Không chứa DNase/RNase Nhiệt độ làm việc từ - 20 đến 121 độ C	Cái	700
176	Ống mao quản (capillary)	Vật liệu: PTFE Đường kính bên ngoài 1/16 inches Đường kính bên trong 0,5mm Chiều dài 1m Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	8
177	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 10mm, dài 100mm	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 10 mm Chiều dài 100 mm	Cái	500
178	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 10mm, dài 75mm	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 10 mm Chiều dài 75 mm	Cái	500
179	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 12 mm	Chất liệu: Thủy tinh Đường kính 12mm, chiều dài 12 cm Không nắp , không vành	Cái	3.500

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
180	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 12mm, dài 100mm	Đường kính 12 mm, cao 100 cm Chất liệu: thủy tinh	Cái	500
181	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 15mm	Đường kính 15 mm, chiều dài 125mm Chất liệu: thủy tinh	Cái	500
182	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 18mm	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 18 mm, Chiều dài 150 mm	Cái	500
183	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 22 mm	Chất liệu: Thủy tinh Đường kính 22mm, chiều dài 20 cm Không nắp , không vành	Cái	3.500
184	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 30mm	Đường kính 30 mm, chiều dài 20 cm Chất liệu: thủy tinh	Cái	500
185	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 16 mm	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 16 mm Chiều dài 150 mm	Cái	500
186	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 16 mm, dài 130mm	Chất liệu: thủy tinh Đường kính 16 mm Chiều dài 130 mm	Cái	500
187	Ống so màu 100ml	Chất liệu bằng thủy tinh, đáy bằng Thể tích 100ml Được chia vạch tại 50ml và 100ml	Cái	10
188	Ống thủy tinh 300ml	Ống nghiệm không vành đường kính 40mm, chiều cao 300mm, thể tích 300ml	Ống	20
189	Pen không mẫu, dài 30cm	Chất liệu inox, dài 30 cm	Cái	2
190	Phễu lọc sứ phi 110mm	Phễu Buchner bằng sứ đường kính 110mm	Cái	2
191	Phễu lọc sứ phi 70mm	Phễu Buchner bằng sứ đường kính 70mm	Cái	2
192	Phễu lọc thủy tinh đường kính 100mm	Phễu thủy tinh đường kính 100mm. Chất liệu: thủy tinh soda-lime hoặc borosilicate 3.3	Cái	10
193	Phễu lọc thủy tinh đường kính 150mm	Phễu thủy tinh đường kính 150mm. Chất liệu: thủy tinh soda-lime hoặc borosilicate 3.3	Cái	10
194	Phễu lọc thủy tinh đường kính 70mm	Phễu thủy tinh đường kính 70mm. Chất liệu: thủy tinh soda-lime hoặc borosilicate 3.3	Cái	10
195	Phễu lọc thủy tinh màng xốp dung tích 125mL	Phễu lọc màng thủy tinh xốp G4 dung tích 125ml, đường kính 72mm. Làm bằng thủy tinh borosilicate 3.3	Cái	2
196	Phễu lọc thủy tinh màng xốp dung tích 25mL	Phễu lọc màng xốp G4, đường kính 55mm, dung tích 25ml. Làm bằng thủy tinh borosilicate 3.3	Cái	2
197	Phin lọc 0,22μm, đường kính 13 mm	Kích thước lỗ lọc 0,22μm, đường kính 13 mm, tiết trùng	Cái	1.500
198	Phin lọc 0,22μm, đường kính 33 mm	Kích thước lỗ lọc 0,22μm, đường kính 33 mm, tiết trùng	Cái	1.000
199	Phin lọc 0,45μm, đường kính 13 mm	Kích thước lỗ lọc 0,45μm, đường kính 13 mm, tiết trùng	Cái	1.500
200	Pipet bầu thủy tinh 10mL	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
201	Pipet bầu thủy tinh 20 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	20

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
202	Pipet bầu thủy tinh 50mL	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	10
203	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 1 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, class A	Cái	20
204	Pipet thủy tinh thẳng chia vạch 10mL	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Class A	Cái	210
205	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Class A	Cái	210
206	Pipette Pasteur 3ml	Thể tích: 3ml Có vạch chia thể tích Chất liệu Polyethylene Sản phẩm đã được khử trùng	Cái	5.500
207	Bộ kit chất chuẩn để hiệu chỉnh máy LCMSMS	PPGs Chemical Standards Kit (Low-High Concentration) -Dùng cho LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011	Bộ	1
208	Quả bóp cao su	Chất liệu: cao su Đề hút, phân phối chính xác các loại chất lỏng, hóa chất khi kết hợp với pipet thủy tinh hoặc nhựa	Cái	10
209	Chổi xoắn bằng Nylon đường kính 0.75 Inch dùng để vệ sinh hệ khối phổ	Chất liệu: Nylon, đường kính 0.75 Inch, dùng để vệ sinh hệ khối phổ - Dùng cho hệ LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011	Cái	1
210	Chổi xoắn bằng Nylon, đường kính 5/16 inch, dùng để vệ sinh hệ khối phổ	Chất liệu: Nylon, đường kính 5/16 inch, dùng để vệ sinh hệ khối phổ - Dùng cho hệ LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011	Cái	1
211	Cây Nylon dạng thẳng, để vệ sinh hệ khối phổ	Cây Nylon dạng thẳng, để vệ sinh hệ khối phổ - Dùng cho hệ LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011; Xuất xứ: US Mã hàng: 4465870	Cái	1
212	Cuvet graphite cho lò graphite gia nhiệt ngang (THGA graphite tubes)	Cuvet graphite cho lò graphite gia nhiệt ngang Khóa đuôi (Endcapped): Không Dùng cho máy AAS - Model: PinAAcle 900T - Hãng sản xuất: Perkin Elmer thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	25
213	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Loại điện tử Thích hợp với các loại pipet thủy tinh hoặc nhựa với thể tích 1-100ml - Tốc độ hút: 9 - 10 ml/s - Màng lọc kỹ nước có thể hấp khử trùng được - Có thể điều chỉnh tốc độ hút nhả chất lỏng - Cảnh báo pin yếu - Đầu silicon có thể hấp tiệt trùng ở 121°C	Cái	5

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
214	Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC đường kính 4,6mm /3,9mm Dùng cho máy sắc ký lỏng pH: hoạt động từ 1-9 Kích thước hạt: 2,5 µm Chiều dài: 5 mm Khả năng chịu áp suất: 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m ² /g USP: L3 Cung cấp bao gồm Holder	Cái	3
215	Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC	Đường kính trong 2,1mm Chiều dài: 5 mm Kích thước hạt: 1,7 µm Chế độ phân tách: Hilic Khoảng pH: 1-9 Áp suất tối đa: 1240 bar Khóa đuôi (Endcapped): có Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185m ² /g USP: L3	Cái	6
216	Tiền cột bảo vệ cho cột sắc ký UPLC	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 3,9 mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 20mm Kích thước hạt : 4 µm Thành phần : C18 pH: 2-8 Áp suất tối đa: 6000 psi (415 Bar) Kích thước lỗ: 60Å Diện tích bề mặt: 120 Hàm lượng Carbon: 7% USP: L1	Cái	2
217	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18	Cung cấp bao gồm Holder Kích thước hạt 1,7 µm Đường kính trong 2,1mm, chiều dài 5mm pH 1-12 Áp suất tối đa 1240 bar Kích thước lỗ: 130Å Hàm lượng carbon: 18% Khóa đuôi (Endcapped): Có Diện tích bề mặt: 185 USP: L1	Cái	3
218	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Dùng cho máy sắc ký lỏng cao áp Chiều dài: 5mm Đường kính: 2,1 mm Kích thước hạt: 3,5 µm Thành phần : C18 Giá trị pH: 1-12 Áp suất tối đa: 1240 bar Khóa đuôi (Endcapped): Có Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 m ² /g Hàm lượng Carbon: 18% Cung cấp bao gồm Holder	Cái	6

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
219	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18	Cung cấp bao gồm Holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng cao áp Dài : 5mm Kích thước hạt : 3,5 µm Thành phần : C18 pH: 1-12 Áp suất tối đa: 1240 bar Khóa đuôi (Endcapped): Có Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 Hàm lượng Carbon: 18%	Cái	3
220	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18 100Å	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18-SE / C18 Dùng cho máy sắc ký lỏng Hàm lượng Carbon: 16% Diện tích bề mặt: 340 m2/g pH: 2-8 Áp suất tối đa: 18000 psi Khóa đuôi (endcapped): có Kích thước lỗ: 100Å Cung cấp bao gồm holder	Cái	6
221	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18 UPLC	Cung cấp bao gồm holder Kích thước hạt 1,7 µm Đường kính trong 2,1mm, chiều dài 5mm pH 1-12 Áp suất tối đa 1240 bar Kích thước lỗ: 130Å Hàm lượng carbon: 18% Khóa đuôi (endcapped): có Diện tích bề mặt: 185 USP: L1	Cái	3
222	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18-SE 100Å	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18-SE / C18 Dùng cho máy sắc ký lỏng Hàm lượng carbon: 16% Diện tích bề mặt: 340m2/g Giá trị pH: 2-8 Áp suất tối đa: 18000 psi Khóa đuôi (endcapped): có Kích thước lỗ: 100Å Cung cấp bao gồm holder	Cái	6
223	Tiền cột bảo vệ Premier BEH Amide	Cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 5mm Kích thước hạt : 1,7 µm Thành phần : Amide pH: 2-11 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 Hàm lượng carbon: 12% USP: L68	Cái	3

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
224	Tiền cột bảo vệ UPLC HSS PFP	Nhà thầu cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 5mm Kích thước hạt : 1,8 µm Thành phần : PFP/Fluoro-Phenyl pH: 2-8 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 100Å Diện tích bề mặt: 230 Hàm lượng Carbon: 7% USP: L43	Cái	3
225	Tiền cột C18 HPLC	Hãng sản xuất đạt ISO 9001 hoặc tương đương Loại cột: C18 Reversed Phase Kích thước hạt: 5µm Chiều dài, đường kính cột: 5 x 3.9 mm Khoảng pH: 2-8 Khóa đuôi (End-capped): Có Hàm lượng Carbon: 16% Kích thước lỗ: 100Å USP: L1 Diện tích bề mặt: 340	Cái	3
226	Tiền cột dùng cho cột BEH Amide 2.1mm	Cung cấp bao gồm holder Đường kính trong 2,1mm Dùng cho máy sắc ký lỏng Dài : 5mm Kích thước hạt : 1,7 µm Thành phần : Amide pH: 2-11 Áp suất tối đa: 18000 psi (1240 Bar) Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 Hàm lượng Carbon: 12%	Cái	3
227	Tiền Cột Hilic dùng cho UPLC	Sử dụng cho hệ thống UHPLC, UPLC Chiều dài: 5mm Đường kính trong: 2,1mm Kích thước hạt: 1,7 µm Chế độ phân tách: Hilic Khoảng pH: 1-9 Áp suất tối đa: 1240 bar Khóa đuôi (Endcapped) : có Kích thước lỗ: 130Å Diện tích bề mặt: 185 USP: L3	Cái	3
228	Bộ kit gia nhiệt Turbo	Dùng cho nguồn Turbo V. Bộ kit bao gồm: một bộ gia nhiệt Turbo (bằng kim loại) - Dùng cho hệ LC MS/MS - Model 5500 TripleQuad - Manufacturer: Sciex. Mã kiểm kê: 1187511P20011; Xuất xứ: Singapore Mã hàng: 5051082	Bộ	2
229	Van đầu ra	Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
230	Van đầu vào	Dùng cho máy sắc ký ion Model Professional 850 - Hãng sản xuất: Metrohm thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	2
231	Van điều áp (Regulator 0-12bar 1/4" F BSPP)	- Khoảng áp suất: 0-12 bar - Áp suất đầu vào tối đa: 13 bar - Không chứa BHT (Butylated hydroxytoluene) - Dùng cho máy sinh khí của máy LC-MS/MS 5500 TripleQuad. Mã kiểm kê: 1187511P20011	Cái	2
232	Van trong bơm sắc ký lỏng dùng cho bộ phận bơm sắc ký lỏng	Van trong bơm sắc ký lỏng dùng cho bộ phận bơm sắc ký lỏng Sử dụng cho máy sắc ký lỏng ghép nối khối phổ LC MS/MS Model 5500 TripleQuad - Hãng sản xuất: Sciex thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cái	4
233	Van xả nước tự động cho máy sấy khí	Bộ xả nước tự động - Lưu lượng tối đa: 10 cm ³ / cycle - Áp suất làm việc: 0,1 đến 1 Mpa. - Nhiệt độ làm việc: 0 - 60 °C tương ứng (36-140 °F) - Kết nối ren vào-ra: 1/2" (21mm) Dùng cho phụ kiện máy sấy khí cung cấp cho hệ thống LC-MS/MS	Cái	1
234	Chai xịt phun sương	Chất liệu : nhựa. Dung tích : 500ml. Chai nhựa có đầu xịt phun sương dùng trong y tế	Cái	10
235	Khay đựng tuýp 1,5ml	Chất liệu từ inox; Phù hợp tuýp 1,5 ml Có thể hấp tiệt trùng và sấy khô nhiều lần	khay	5
236	Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml	Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2ml có nhãn viết Chịu được nhiệt độ từ - 86 độ C đến 121 độ C Chất liệu polypropylene; Nắp vặn ngoài, có vòng đệm cao su trong nắp Không chứa DNase, RNase	Cái	3.500
237	Trang phục bảo hộ cá nhân	Chất liệu vải không dệt, chống thấm; thiết kế liền thân, che kín toàn bộ cơ thể, có bao giày; thoáng khí, an toàn khi sử dụng; dùng trong y tế, phòng thí nghiệm và kiểm soát nhiễm khuẩn.	Bộ	500
238	Khẩu trang N95	- Lọc được ≥ 95% các hạt không chứa dầu, có kích thước ≥ 0.3 micron - Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95 - Khẩu trang y tế đạt tiêu chuẩn FDA - Kháng chất lỏng - Đóng gói riêng lẻ - Dòng sản phẩm: 1800+	Cái	1.000
239	Khẩu trang hiệu lực lọc cao N96	Lọc được ≥ 95% các hạt không chứa dầu, có kích thước ≥ 0.3 micron Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95 Màng lọc tĩnh điện 3M™ Có thanh điều chỉnh độ kín ở mũi Lớp lọc P2, KN96	Cái	50
240	Ống ly tâm 1,5ml	Chất liệu: PP (Polypropylene), chịu ly tâm 20.000–25.000 g Nắp: Nắp bật kín, chống rò rỉ Khả năng chịu nhiệt: –80°C đến 121°C (autoclave) Tiệt trùng, free DNase/RNase/Pyrogen	Cái	500

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
241	Ống ly tâm 2ml	Chất liệu: PP, chịu ly tâm 20.000–25.000 g Nắp: Nắp liền chống rò rỉ Khả năng chịu nhiệt: –80°C đến 121°C Tình trạng: Tiệt trùng, free DNase/RNase/Pyrogen	Cái	500
242	Ống ly tâm 15ml	Chất liệu: PP hoặc PET Nắp: Nắp vặn kín, chống rò Chịu ly tâm: 8.000–9.000 g Khả năng chịu nhiệt: –80°C (PP), tiệt trùng bằng EO hoặc gamma Tình trạng: Đã tiệt trùng	Cái	500
243	Ống máu Serum nắp màu đỏ	Thân ống làm từ hạt nhựa PP - Kích thước: 12x75mm, hình trụ - Nắp màu đỏ - Có chứa hạt polystyrene bên trong	Ống	25.000
244	Ống máu Serum nắp màu đen	Thân ống làm từ hạt nhựa PP - Kích thước: 12x75mm, hình trụ - Nắp màu đen - Có chứa hạt polystyrene bên trong	Ống	10.000
245	Ống máu EDTA K2 nắp cao su xanh dương	Thân ống làm bằng nhựa PP. Thể tích 6ml Hình trụ, kích thước: 13x75mm. Nắp ống làm bằng cao su Hóa chất bên trong ống là K2-EDTA (Ethylenediaminetetra acetic acid) Ống chịu được lực quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút	Ống	15.000
246	Ống nghiệm chân không EDTA K3	Ống lấy máu chất liệu nhựa PET, không chứa DEHP. - Nút chặn ống nghiệm bằng cao su butyl và nắp nhựa PE. - Chứa 10,8mg chất chống đông K3 EDTA dạng phun sương - Ống nghiệm vô trùng bằng tia chiếu xạ Beta, được kiểm tra bằng phương pháp vi sinh theo tiêu chuẩn ISO 11737 - Có chứng chỉ CE, ISO13485 - Thể tích lấy mẫu: 6ml, kích thước 13x100mm	Ống	15.000
247	Ống máu Citate	Thân ống làm bằng nhựa PP, nắp màu xanh lá, hình trụ tròn, kích thước 13x75mm Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3,8%	Ống	200
248	Ống Chimigly dùng cho xét nghiệm đường huyết	Thân ống làm từ nhựa PP Hình trụ tròn, kích thước 12x75mm Nắp nhựa màu xám, có chứa chất kháng đông Sodium Flouride+EDTA K2	Ống	500
249	Lọ chứa nước tiểu vô trùng	Thân lọ nhựa được làm từ nhựa PS hoặc nhựa PP, nắp màu đỏ, vô trùng từng cái trong túi nhựa được hàn kín Thể tích 50ml	Lọ	200
250	Lọ đựng phân 50 ml	Thân lọ nhựa được làm từ nhựa PS hoặc nhựa PP Không chất bảo quản Có thìa lấy phân bên trong	Lọ	100

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
251	Lọ chứa nước tiểu	Thân lọ nhựa được làm từ nhựa PS hoặc nhựa PP, nắp màu vàng Thể tích 50ml	Lọ	3.000
252	Bơm kim tiêm 20 ml loại 23Gx1	Kích cỡ kim 23Gx1, dung tích 20ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	150
253	Băng dán cá nhân	Sản phẩm có lớp keo, lớp màng Polyethylene Kích thước: 19(±1)mm x (60 - 72) mm.	Hộp	1.780
254	Que lấy mẫu niệu đạo (nam)	Tiệt trùng, đóng gói từng cái, vỏ khuôn cán nhựa lấy dịch niệu đạo Quy cách: 100 que/gói	Que	700
255	Que gòn lấy mẫu tiệt trùng từng cái	Đựng trong ống nhựa Chất liệu: Ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE, đầu bông - Kích thước: ống 12*150mm - Đã tiệt trùng Quy cách 100 que/gói	Que	2.200
256	Lamen	Kích thước: 22 x 22 mm Độ dày: 0,13 – 0,17 mm Vật liệu: thủy tinh Theo tiêu chuẩn DIN ISO 8255	Cái	12.400
257	Que gòn lấy mẫu cán nhựa	Chất liệu gòn từ 100% bông tự nhiên Đã tiệt trùng, đường kính bông: 15mm Yêu cầu quy cách 100 que/gói	Que	8.900
258	Lam kính	Kích thước: 25,4 x 76,2mm Lam kính loại có một đầu mài mờ (nhám) Độ dày: 1 – 1,2 mm Vật liệu: thủy tinh	Cái	16.344
259	Que đè lưỡi gỗ	Chất liệu gỗ, mỗi bao bì 1 que Chỉ sử dụng 1 lần Tiệt trùng Kích thước: 150 x 20 (± 2) x 2 (± 0,2)mm	Que	100
260	Dây garo y tế tay	Chất liệu: thun cotton. - Có gai dán. - Kích thước khoảng: 25-30 cm	Cái	30
261	Lancet lấy máu	Kim lancet: thép không rỉ, loại 28G Dùng 1 lần	Cái	400
262	Bông y tế cắt miếng 3x3cm	Thành phần: 100% bông xơ tự nhiên, thấm hút nước - Kích thước: 3cm x 3cm	Kg	635
263	Mô vịt khám phụ khoa	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh. - Tiệt trùng bằng khí E.O, dùng 1 lần. - Trong suốt, không màu. - Mỗi sản phẩm 1 bao bì. - Kích thước: size M	Cái	200
264	Giấy Y tế	Chất liệu: Bột giấy, không gây kích ứng, có độ dai, bền và kháng nước tốt. Kích thước: 40cm x 25cm	Kg	5

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
265	Cột sắc kí HPLC-C18	-Chiều dài cột 150 mm, đường kính 4.6 mm, kích thước hạt 5 µm -Kích thước lỗ: 80-130Å -Pha tĩnh: Hạt silica type B C18, Khóa đuôi (End-capped): Có -Hàm lượng Carbon: 11% -Khoảng pH: 2-9 -Nhiệt độ tối đa: 60 độ C -Áp suất tối đa: 400 bar (Máy Hệ thống HPLC, model LC-20 A series, Hãng Shimadzu do Viện sở hữu và đang sử dụng. MSKK: 4361)	Cái	3
266	Cột sắc kí HPLC-C18	-Chiều dài cột 250 mm, đường kính 4.6 mm, kích thước hạt 5 µm -Kích thước lỗ: 80-130Å -Pha tĩnh: Hạt silica type B C18, Khóa đuôi (End-capped): Có -Hàm lượng Carbon: 11% -Khoảng pH: 2-9 -Nhiệt độ tối đa: 60 độ C -Áp suất tối đa: 400 bar (Máy Hệ thống HPLC, Model LC-20 A series, Hãng Shimadzu do Viện sở hữu và đang sử dụng. MSKK: 4361)	Cái	1
267	Tiền cột bảo vệ cho cột XDB-C18	-Chiều dài cột 12.5 mm, đường kính 4.6 mm, kích thước hạt 5 µm -Kích thước lỗ: 80-130Å -Pha tĩnh: Hạt silica type B C18, Khóa đuôi (End-capped): Có -Hàm lượng Carbon: 11% -Khoảng pH: 2-9 -Nhiệt độ tối đa: 60 độ C -Áp suất tối đa: 400 bar (Máy Hệ thống HPLC, Model LC-20 A series, Hãng Shimadzu do Viện sở hữu và đang sử dụng. MSKK: 4361)	Cái	16
268	Đầu côn load mẫu	-Vật liệu: Polypropylene -Tiệt trùng: không -Dnase, Rnase, endotoxin: không -Lọc: không -Chiều dài: 83 mm -Thể tích: 1-200 µL, đầu tip tròn dày 0.5mm	Cái	8.000
269	Ống thủy tinh chén 100µl dùng cho lọ đựng mẫu HPLC 2 ml	-Vật liệu: thủy tinh -Thể tích: 100 µl, đáy nhọn, có râu - Đường kính miệng: 5 mm	Cái	3.000
270	Găng tay nitrile không bột	-Vật liệu: nitril -Không bột, chưa tiệt trùng -Độ dày: Ngón tay: 0.05 m, lòng bàn tay: 0.05 mm -Chiều dài/rộng găng: 220/85 mm	Hộp	15
271	Khăn vải khô cất miếng 6cm x7cm	Thành phần: vải không dệt, thấm hút nước - Kích thước: 6cm x 7cm Yêu cầu quy cách đóng gói: 1.600 miếng/gói	Gói	15

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
272	Cuộn Parafilm	-Loại màng nhiệt nhựa dẻo -Căng dài hơn 200% chiều dài ban đầu -Chịu được tối đa 48 giờ so với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm -Kích thước: 10cm x 38cm (hay 4 inch x 125 feet)	Cuộn	17
273	Màng lọc Nylon 0.45 μm	-Vật liệu: nylon -Đường kính: 47 mm -Kích thước lỗ: 0.45 μm	Cái	1.000
274	Bình tia nhãn 'Ethanol'	-Nhựa PE -Nhãn 'Ethanol' in đậm trên thân bình Dung tích: 500ml	Cái	2
275	Bình tia nhãn 'Distilled Water'	-Nhựa PE -Nhãn 'Distilled Water' in đậm trên thân bình Dung tích: 500ml	Cái	2
276	Pipette Pasteur 1 ml	-Chất liệu: Polyethylene - Thể tích: 1 ml - Có vạch chia thể tích	Cái	2.500
277	Ống ly tâm nắp phẳng 0,5 ml	- Chất liệu nhựa polypropylene - Thể tích ống 0,5ml, đáy hình nón - Nắp phẳng - Không tiết trùng và có thể hấp diệt trùng. - Không chứa DNase và RNase. - Chịu được nhiệt độ từ -20 đến 121 độ C	Cái	500
278	Đầu côn có lọc 20 μl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Thể tích hút: 2-20 μl Đã diệt trùng Đảm bảo không chứa các nội độc tố, enzyme DNase/RNase và các chất gây ức chế phản ứng PCR Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	1.920
279	Đầu côn có lọc 10 μl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Thể tích hút: 0.5-10 μl Đã diệt trùng Đảm bảo không chứa các nội độc tố, enzyme DNase/RNase và các chất gây ức chế phản ứng PCR Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Yêu cầu quy cách đóng gói tối đa 96 Cái/hộp.	Hộp	45
280	Đầu côn có lọc 1250 μl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã diệt trùng Đảm bảo không chứa các nội độc tố, enzyme DNase/RNase và các chất gây ức chế phản ứng PCR Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	19.200
281	Đầu côn 200ul không lọc, không khóa	Chất liệu nhựa Polypropylene Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với loại micropipet Gilson và Eppendorf	Cái	15.000
282	Ống đơn 0,2 mL dùng cho PCR	- Nắp phẳng - Phù hợp cho các khối gia nhiệt 0,2 mL. - Thể tích $\approx$ 0,25 mL khi đóng nắp. - Thành ống mỏng để truyền nhiệt tốt nhất và được	Túi	1

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
		làm từ polypropylene. - Không chứa DNase, RNase, DNA, Chất ức chế PCR, ATP, Endotoxin Yêu cầu quy cách 500 cái/Túi		
283	Ống đo xét nghiệm tốc độ máu lắng	Thể tích 1,5 ml Thành phần nhựa Polypropylene. Chứa chất chống đông Natri citrate Sử dụng trên máy tốc độ máu lắng LENA NE thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Ống	3.000
284	Bông tẩm cồn	Mỗi miếng gạc được niêm phong riêng và dùng 1 lần Nồng độ 70 % Isopropyl Alcohol	Hộp	100
285	Gạc y tế	Kích thước: 5cm x 6,5cm x 12 lớp Chất liệu: 100% sợi cotton. Quy cách: 10 miếng/gói	Gói	800
286	Hộp nhựa chứa chất thải sắc nhọn 1,5 lít	Dung tích: 1,5 lít Chất liệu: Nhựa HDPE hoặc PP Có nắp đậy phía trên, lỗ bẻ tiem Có biểu tượng nguy hiểm và cảnh báo vật đựng sắc nhọn Có vạch cảnh báo giới hạn đựng trên thùng	Cái	90
287	Hộp nhựa chứa chất thải sắc nhọn 6,8 lít	Dung tích: 6,8 lít Chất liệu: Nhựa HDPE hoặc PP Có nắp đậy phía trên, lỗ bẻ tiem Có biểu tượng nguy hiểm và cảnh báo vật đựng sắc nhọn Có vạch cảnh báo giới hạn đựng trên thùng	Cái	1.980
288	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Loại không tiết trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích, đáy hình nón Thể tích: 1,5ml Vật liệu: polypropylene Không chứa DNase/RNase Chịu được lực ly tâm tối đa 14.000 vòng/phút	Cái	73.000
289	Micropipet 1 kênh thể tích 0,5-10 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,02 μ l Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	3
290	Nhiệt kế điện tử có đầu dò	Chương trình báo động bằng âm thanh, màn hình hiển thị nhiệt độ Thang đo nhiệt độ: -50 đến 100°C Độ phân giải: 0,1°C/°F Độ chính xác: $\pm 1^\circ\text{C}$ Nguồn điện: pin Chiều dài dây đo: 1,5m Phím chức năng MIN/MAX, FRIDGE/ROOM, ALARM SET	Cái	34
291	Nhiệt ẩm kế điện tử	Đo nhiệt độ trong phòng, màn hình hiển thị độ ẩm Đơn vị nhiệt độ: °C/ °F thay đổi 2 chế độ hiển thị thời gian: 12h/24h Nhiệt độ : -10 °C ~ 50 °C Độ ẩm: 10 % RH ~ 99 % RH	Cái	17

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
292	Bình xịt phun sương	Chai nhựa có đầu xịt phun sương Dung tích 500ml	Cái	10
293	Tăm bông y tế loại 7-8cm	Tiệt trùng Thân nhựa PP, chiều dài 7-8cm Đầu bông: 100% cotton Yêu cầu quy cách đóng gói: 100que/gói	Que	3.000
294	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 60x15 mm	Cái	50.000
295	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 90x15 mm	Cái	25.000
296	Chai thủy tinh chịu nhiệt có nắp 500 mL	Chất liệu: Thủy tinh borosilicate Dung tích: 500 ml Đường kính cổ: 86 mm Chiều cao: 181 mm Chai gồm nắp vặn bằng nhựa PP và vòng đệm PP Nhiệt độ tiệt trùng cho nắp và vòng đệm là 140°C.	Cái	100
297	Cốc thủy tinh có mô 1 Lit	Chất liệu: thủy tinh borosilicate, Dung tích: 1000 ml	Cái	10
298	Màng lọc Syringe tiệt trùng	Chất liệu màng lọc: Surfactant-free Cellulose Acetate (SFCA) Đường kính 28mm Kích thước lỗ lọc 0,45µm Diện tích lọc: 6,2cm ² ETO-sterile (Tiệt trùng từng Cái)	Cái	50
299	Thiết Bị Tự Ghi Nhiệt Độ Trong Tiệt Trùng	Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ với 10mm đầu dò. Dùng Phần mềm quản lý dữ liệu SPD Kích thước thân đĩa 36,5x17,4mm Kích thước đầu dò: đường kính 4 x dài 10 mm Thang đo đầu dò: -20°C đến 140°C Độ chính xác: ±0.2°C Độ phân giải: 0.01°C Dung lượng pin: ≥ 1.400.000 lần ghi liên tục ở chu kỳ 1 giây tại nhiệt độ tiêu chuẩn 25°C	Cái	3
300	Màng lọc vi sinh 0,22 µm	Chất liệu: Hỗn hợp cellulose ester Kích thước lỗ lọc: 0,22µm; Đường kính: 47mm; Tiệt trùng từng tấm	Tờ	20.000
301	Màng lọc vi sinh 0,45 µm	Chất liệu: Hỗn hợp cellulose ester Kích thước lỗ lọc: 0,45µm; Đường kính: 47mm; Tiệt trùng từng tấm	Tờ	40.000
302	Găng tay phẫu thuật vô trùng	Tiệt trùng bằng khí E.O Sử dụng bột báp bién tính được chấp thuận bởi FDA Cổ tay được se viền Phân biệt được tay trái, phải Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Yêu cầu quy cách đóng gói: 50 đôi/Hộp	Hộp	50
303	Nón trùm đầu con sâu	– Từ vải không dệt 100% PP. – Sử dụng loại 2 chun tạo sự co giãn đa chiều. – Kích thước: 19 inch	Cái	500

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
304	Bao giầy	Chất liệu Vải không dệt PP Kích cỡ 45x41cm Trọng lượng 9g/chiếc, tương đương bằng nhau: 18g/đôi Bề mặt nhẵn hoặc chống trơn trượt	Cái	250
305	Chai nhựa lấy mẫu 1 lít	Chai chịu nhiệt, hấp khử trùng được ở nhiệt độ: 121°C, áp suất: 1 atm bằng hơi nước Thể tích 1 lít Miệng chai rộng 30 mm	Cái	200
306	Chai thủy tinh 500ml	Chai chịu nhiệt, hấp khử trùng được Thể tích 500ml Cổ nút đậy cao su	Cái	5.000
307	Giấy chỉ thị nhiệt khô	Có chứa chỉ thị đổi màu khi tiếp xúc với nhiệt độ cao (≥180°C) trong quá trình hoạt động. Kích thước (rộng x dài): 19mm x 50m	Cuộn	10
308	Túi cuộn ép tiệt trùng 15cm	- Túi đựng dụng cụ tiệt khuẩn gồm hai mặt, một mặt được làm bằng chất liệu giấy y tế màu trắng, trọng lượng giấy 60gsm±5%; một mặt được làm bằng lớp phim PET/PP nhiều lớp trong suốt, dày 52µm±5%. - Màu chỉ thị đổi từ màu xanh dương sang màu xanh đen/xám đen khi khử trùng bằng hơi nước; màu hồng sang màu nâu/vàng nâu khi khử trùng EO; màu nâu sang màu xanh lá cây khi khử trùng khí Formadehyde. - Túi được hàn cả hai bên, chịu được nhiệt độ 170 - 190°C - Kích cỡ: 15cm x 200m	Cuộn	11
309	Túi cuộn ép tiệt trùng 20cm	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 200mmx200m Chất liệu: Giấy y tế không độc, tiệt trùng và ép nhựa plastic PET/P, chịu nhiệt 121 -140°C. Chất chỉ thị: đổi màu sau khi hấp. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	11
310	Túi cuộn ép tiệt trùng 15cm	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mmx200m Chất liệu: Giấy y tế không độc, tiệt trùng và ép nhựa plastic PET/P, chịu nhiệt 121 -140°C. Chất chỉ thị: đổi màu sau khi hấp. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	11
311	Gòn không thấm nước	Làm từ 100% bông xơ tự nhiên Loại không thấm nước	Kg	10
312	Đầu côn 200ul không có nội độc tố	- Được chứng nhận không nhiễm nội độc tố - Nồng độ endotoxin: < 0,005 EU/mL - Thể tích: 200 µl - Được tiệt trùng theo EN 552 và ISO 11137:2015 với độ tiệt trùng SAL 10-6	Cái	1.000
313	Đầu côn 1000ul không có nội độc tố	Được chứng nhận không nhiễm nội độc tố Nồng độ endotoxin: < 0,005 EU/mL Thể tích: 1000 µl Được tiệt trùng theo EN 552 và ISO 11137:2015 với độ tiệt trùng SAL 10-6	Cái	1.000

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
314	Ống phản ứng không có nội độc tố	- Được làm bằng thủy tinh - Kích thước 10 x 75 mm - Nồng độ nội độc tố: < 0,005 EU/ml	Cái	500
315	Ống pha loãng không có nội độc tố	- Được làm bằng thủy tinh - Kích thước 13 x 100 mm - Nồng độ nội độc tố: < 0,005 EU/ml	Cái	500
316	Hộp Inox vuông đựng dụng cụ	Chất liệu: Inox 304 Kích thước: 19 x 9 x 4 cm	Cái	10
317	Khuyên que cấy vi sinh 5μl	Dùng để lắp vào cán que cấy, lấy mẫu vi sinh, mẫu xét nghiệm trong nuôi cấy ở phòng thí nghiệm, nghiên cứu, xét nghiệm,... Kích thước: Đường kính vòng khuyên: 4mm, Dài: 60mm Chất liệu: Được làm từ hợp kim chịu nhiệt	Cái	50
318	Băng keo lụa	Kích thước: 2,5cm x 5m Chất liệu: lụa, dễ xé	Cuộn	840
319	Băng cuộn y tế	Kích thước: 0,1m x 2m	Cuộn	200
320	Dây garo y tế đùi	Chất liệu: Thun cotton, dài 65cm với khóa dán	Cái	10
321	Bơm kim 1ml loại 25G x 5/8	Kích cỡ kim 25G x 5/8 dung tích 1ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	72.000
322	Bơm kim 1ml loại 30G x 1/2	Kích cỡ kim 30G x 1/2 dung tích 1ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	20.000
323	Bơm kim 3ml loại 25G x 5/8	Kích cỡ kim 25G x 5/8 dung tích 3ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	30.000
324	Đầu kim thay	Loại 23G x 1	Cái	20.000
325	Bơm kim 5ml loại 25G x 5/8	Kích cỡ kim 23G x 1 dung tích 5ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ	Cái	500
326	Hộp inox đựng gòn	Chất liệu: Inox 304 Cao 8cm, đường kính 10cm	Cái	15
327	Hộp inox đựng pen khi hấp	Chất liệu: Inox 304 Kt: 23 x11 x 5cm	Cái	6
328	Pen không máu	Chất liệu thép không gỉ, dài 16cm	Cái	20
329	Kéo y tế	Chất liệu thép không gỉ, dài 18cm	Cái	6
330	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ, dài 12cm	Cái	4
331	Máy đo huyết áp điện tử người lớn	Công nghệ Intellisense mới, tự động hoàn toàn. + Huyết áp: 0 tới 299 mm Hg. + Nhịp tim: 40 tới 180 nhịp/phút. Pin: 4 pin AA Vòng bít quấn bắp tay :dành cho cỡ tay từ 22 - 35cm	Bộ	5
332	Máy đo huyết áp cơ	Loại máy: Đo huyết áp cơ học Giới hạn đo: 0 - 300 mmHgĐộ chính xác: ± 3 mmHg Kích thước vòng bít: 22 - 32 cm Chất liệu vòng bít: Vải nylon cao cấp Ống nghe: Loại 1 mặt tích hợp sẵn Bóng bóp: Cao su tự nhiên kèm van xả Tiện ích đi kèm túi đựng vải cao cấp chống thấm	Bộ	5

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
		Đồng hồ đo thang chia vạch rõ nét van xả khí bằng đồng mạ crôm		
333	Máy huyết áp tự động để bàn	Bộ gồm 01 máy chính; 01 vỏ bao đo; 01 giá đỡ tay; 01 cuộn giấy in; 01 bộ nguồn Phạm vi đo áp lực 30-300mmHg, nhịp tim 200 nhịp/phút Kích thước máy 453(rộng)x340(dài)x306(cao) Trọng lượng 8.6 kg	Bộ	2
334	Nhiệt kế hồng ngoại	Nhiệt kế đo không chạm Đo được thân nhiệt, môi trường Chuyển đổi giữa °C – °F Tầm đo thân nhiệt từ 34 °C – 43 °C ($\pm 0.2^{\circ}\text{C}$ trong khoảng 35°C – 42°C) Tầm đo môi trường 0<100°C ($\pm 1.0^{\circ}\text{C}$) Màn hình LCD 4 chữ số với ký hiệu riêng Bộ nhớ 30 lần gần nhất Tự động tắt nguồn trong 1 phút	Cái	5
335	Dây thở oxy 2 nhánh	-Chất liệu: nhựa PVC -Chiều dài: 2m - Giao theo kích cỡ đặt hàng của Viện	Cái	30
336	Dây truyền dịch	-Chất liệu: nhựa PVC -Chiều dài: 2m -Tiệt trùng bằng trùn điện tử, không gây dị ứng cho bệnh nhân và thân thiện với môi trường	Cái	12
337	Thiết bị theo dõi nhiệt độ liên tục	Logtag có kèm theo bình glycon + Ghi lại nhiệt độ môi trường ghi thông qua đầu dò nhiệt độ gắn ngoài. + Thang đo -40°C đến 99°C (-40°F đến 210°F), độ chính xác 0.5°C. + Bộ nhớ lưu lại được 15.900 giá trị nhiệt độ/điểm lấy mẫu + Thời gian lấy mẫu 30 giây đến hàng giờ + Màn hình LCD hiển thị giá trị hiện tại, thống kê giá trị ghi lại được trong vòng 30 ngày. + Cảnh báo nhiệt độ vượt ngưỡng trên màn hình, kèm chuông báo trên thiết bị + Thiết kế theo tiêu chuẩn FDA + Đã bao gồm: Đầu dò nhiệt độ gắn ngoài + Yêu cầu: Phần mềm LogTag Analyser Software và cáp kết nối (LTI-HID)	Cái	2

STT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
338	Chi thị đồng băng điện tử	Kích thước ngoài (DxRxC) 49x30x10.5 mm Kích thước màn hình hiển thị 10x10 mm Trọng lượng 12 g Điều kiện bảo quản +4°C đến +50°C / +40°F đến +122°F Nhiệt độ hoạt động -20°C đến +55°C / - 4°F đến +131°F Độ chính xác của phép đo nhiệt độ +/- 0.3 °C +/- 0.6 °F Nhiệt độ tới hạn cảnh báo 0°C / +32°F Thời gian tới hạn cảnh báo 60 phút – nhiệt độ dưới 0°C / +32°F Chu kỳ ghi nhiệt độ 2 phút Pin cell dạng đồng xu Lithium Lớp bảo vệ IP67	Cái	10
339	Đầu côn có lọc 1000µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	3.840
340	Đầu côn có lọc 200µl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường	Cái	3.840
341	Que cấy 10µl	- Chất liệu: polystyrene (PS) - Đã được tiệt trùng - Thể tích: 10µl	Cái	1.000
342	Que cấy 1µl	- Chất liệu: polystyrene (PS) - Đã được tiệt trùng - Thể tích: 1µl	Cái	1.000
343	Khuyên que cấy vòng vi sinh 10µl	Vòng cấy bằng kim loại thể tích 10µL, không cán, dùng để gắn vào cán cấy Chất liệu: Nichrom, đường kính trong 5mm	Cái	25
344	Ống nghiệm thủy tinh	Nắp vận màu đen hoặc trắng nhựa PP Kích thước: đường kính 16 mm, chiều dài 100mm Chất liệu bằng thủy tinh Soda - lime hoặc tương đương	Cái	500
345	Túi ủ kỵ khí	Túi ủ tạo môi trường kỵ khí dành cho nhóm vi khuẩn kỵ khí, sử dụng cho bình kín 2,5 - 3,5L, phần trăm CO2 trong bình sau khi ủ 24h $\geq 13\%$.	Cái	80
346	Strips 4 ống và nắp, loại 0,1 ml	250 strip 4 ống và nắp cho 1000 phản ứng 10 - 50µl Dùng cho Hệ thống Realtime-PCR: Rotor-Gene Q, QIAGEN	Cái	3.500

Phụ lục II

Mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁴⁾	Mã HS (nếu có) ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)
1	...												
2													
n	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày *[ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Thông số kỹ thuật của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Đơn vị tính, số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Đơn giá yêu cầu phải là số nguyên.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mức thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.